

HƯỚNG DẪN

thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho Học sinh Sinh viên chính quy Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. HCM theo nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ

- Căn cứ vào Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 15/10/2021, thay thế Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020-2021.

- Căn cứ công văn số 2696/BGDĐT-KHTC ngày 27/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ công văn số 7319/SLĐT BXH-GDNN ngày 07/4/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. HCM về việc triển khai nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Nghị định số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ.

- Căn cứ các Quy định khác của Chính phủ, các văn bản của cơ quan Nhà nước ở địa phương và thông báo triển khai thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho Học sinh Sinh viên của Nhà trường;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Phòng Công tác Sinh viên hướng dẫn HSSV về các quy định chung và thủ tục hưởng chế độ chính sách của Nhà nước như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Học sinh, Sinh viên (sau đây gọi chung là HSSV) hệ chính quy đang học tại trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. Hồ Chí Minh (viết tắt ITC) theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Nguyên tắc xác định học phí để xin miễn, giảm:

- ITC là cơ sở giáo dục tự thực nên được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí;
- Học sinh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí tại các cơ sở giáo dục dân lập, tự thực được nhà nước chi trả tối đa bằng mức học phí đối với học sinh cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn.

Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp:

❖ Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

- Mức trần học phí từ năm học 2022 - 2023 đến năm học 2025 - 2026 như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/sinh viên/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024	Năm 2024-2025	Năm 2025-2026
1	Khoa học XHNV, NT, GDĐT, báo chí, thông tin và kinh doanh	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400

Lưu ý: Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động quyết định mức học phí của chương trình đó trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật bảo đảm đủ bù đắp chi phí đào tạo, có tích lũy và thực hiện việc công khai trước khi tuyển sinh.

❖ **Học phí giáo dục nghề nghiệp tính theo tín chỉ, mô-đun:**

- Mức thu học phí của một tín chỉ, mô-đun được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo nhóm ngành, nghề đào tạo và tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa theo công thức dưới đây:

$$\text{Học phí tín chỉ, mô-đun} = \frac{\text{Tổng học phí toàn khóa}}{\text{Tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa}}$$

- Tổng học phí toàn khóa = mức thu học phí 1 sinh viên/1 tháng X 10 tháng X số năm học, bảo đảm nguyên tắc tổng học phí theo tín chỉ của chương trình đào tạo tối đa bằng tổng học phí tính theo niên chế.

3. Đối tượng Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí.

❖ **Đối tượng được miễn học phí gồm:**

- Học sinh, Sinh viên khuyết tật.

- Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội

đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Học sinh, Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh, Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, Học sinh, Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

- Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.

❖ Đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

Học sinh, Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

❖ Đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

Học sinh, Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

4. Thủ tục thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và phương thức chi trả.

4.1 Hồ sơ bao gồm:

ĐỐI TƯỢNG MGHP	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP <i>(Bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc)</i>	MỨC MIỄN, GIẢM
Đối tượng 1: Học sinh, Sinh viên khuyết tật.	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí <i>(Phụ lục V)</i> - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện	Miễn học phí
Đối tượng 2: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí <i>(Phụ lục V)</i> - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Miễn học phí

<p>theo quy định tại điều 5, Nghị định 20/2021/NĐ-CP</p>		
<p>Đối tượng 3: Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã cấp; <p><i>Lưu ý: Hồ sơ nộp đầu mỗi năm học theo sổ hộ nghèo hoặc cận nghèo.</i></p>	<p>Miễn học phí</p>
<p>Đối tượng 4: Học sinh, Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, Học sinh, Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>) - Bản sao chứng thực Giấy khai sinh. - Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú hoặc Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc). - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; 	<p>Miễn học phí</p>
<p>Đối tượng 5: Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị chi trả tiền miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục VII, VIII, IX</i>). - Hóa đơn điện tử học phí theo các học kì. - Giấy xác nhận thông tin về cư trú của cơ quan công an theo quy định của Luật Cư trú (nếu có yêu cầu của cơ quan nhà nước tiếp nhận xử lý hồ sơ). - Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy xác nhận tốt nghiệp tạm thời đối với Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ 	<p>Miễn học phí</p>

	<p>trung cấp.</p> <p>- Bản sao chứng thực Giấy khai sinh.</p>	
<p>Đối tượng 6: Học sinh, Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>)</p> <p>- Bản sao chứng thực Giấy khai sinh.</p> <p>- Bản sao chứng thực Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc đăng ký thường trú (trường hợp sổ hộ khẩu bị thất lạc).</p>	<p>Giảm 70% học phí</p>
<p>Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.</p>	<p>- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (<i>Phụ lục V</i>)</p> <p>- Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp.</p>	<p>Giảm 50% học phí</p>

4.2. Quy định cụ thể đối với các đối tượng:

+ **Đối tượng 2:** Sinh viên từ 16 - 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành

quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. S.v tra cứu các văn bản sau đây:

- Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 4 tháng 6 năm 2021 về Phê duyệt danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định 612/QĐ-UBND năm 2021 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành;

- Quyết định 353/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Quyết định 131/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số vùng miền núi (nếu có);

5. Quy định về miễn giảm:

- Việc cấp bù học phí theo 10 tháng/năm (5 tháng/học kỳ) căn cứ số lượng người học thực tế thuộc diện được miễn, giảm học phí và mức thu học phí (mức cấp bù học phí cho các trường theo khung học phí của từng nhóm ngành được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP).

- Nhà nước cấp trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cho các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí.

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 02 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.
- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.
- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học.
- Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện theo thời gian khóa học tại nhà trường, trừ các trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí, thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được tính trong dự toán để cấp bù tiền miễn, giảm học phí.
- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học lại, học cải thiện, ... cũng như chỉ áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè và học kỳ dự thính (nếu có).

6. Trình tự thực hiện:

Trong vòng **45 ngày làm việc** (kể từ ngày khai giảng/bắt đầu khóa học), học sinh, sinh viên, thuộc đối tượng được miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí học tập nộp Đơn (theo mẫu) và bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc một trong các giấy tờ được quy định ở trên (mục 4.1) để minh chứng thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi đến Phòng Công tác sinh viên (Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM) vào giờ làm việc.

Khi đến làm thủ tục, HSSV vui lòng mang theo:

- Căn cước công dân/Hộ chiếu.
- Thẻ học sinh, sinh viên.
- Biên lai đóng học phí học kỳ hiện tại.

Lưu ý: Trường hợp HSSV không trực tiếp đến làm thủ tục cấp giấy thì người đi thay (ngoài 03 loại giấy tờ trên của HSSV) phải xuất trình thêm: Hoặc giấy ủy quyền hoặc Sổ Hộ khẩu có thể hiện quan hệ giữa HSSV và Người đi thay hoặc Giấy khai sinh (nếu là cha mẹ ruột) và Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của chính người đó.

7. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ.

Trong vòng **10 ngày làm việc** kể từ khi nhận được đơn đề nghị miễn giảm học phí, cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí của người học, Nhà trường (Phòng Công tác Sinh viên) có trách nhiệm cấp cho người học giấy xác nhận theo Mẫu quy định của nghị định 81/2021/NĐ-CP.

8. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí trực tiếp cho Cha Mẹ hoặc Người giám hộ của Học sinh, Sinh viên.
- Trường hợp Học sinh, Sinh viên chưa nhận tiền cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

Trên đây là toàn bộ hướng dẫn HSSV thực hiện các nội dung liên quan đến chế độ chính sách Miễn Giảm học phí và hỗ trợ chi học tập cho HSSV thuộc phạm vi quy định của nghị định 81/2021/NĐ-CP, mọi vấn đề thắc mắc, HSSV liên hệ Phòng Công tác Sinh viên (lầu 1 dãy nhà A). Số điện thoại: 0283.973.3516 – 0283.860.5003.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lê Vũ Hùng

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các Phòng, Khoa, Trung tâm;
- Cố vấn học tập các lớp;
- Ban cán sự các lớp;
- HSSV thuộc đối tượng quy định;
- Lưu VT, CTSV.